

Bản án số: 562/2024/DS-ST

Ngày: 17/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt;

2. Bà Võ Thị Phương Thúy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:*
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 09 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2023/DSST ngày 06 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2024/QĐXXST-DS ngày 19/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 281/2024/QĐST-DS ngày 19/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Anh Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số I T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: H Khu phố H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ trình bày:

Ngày 20/9/2022, bà Nguyễn Thị Út N có mượn của ông Huỳnh Anh Đ 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng.

Ngày 14/11/2022, bà Nguyễn Thị Út N có viết giấy biên nhận vay tiền xác định đã nhận tổng cộng số tiền từ ông Huỳnh Anh Đ là 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng, bà Nguyễn Thị Út N cam kết sẽ hoàn trả số tiền trên trong tháng 11 năm 2022.

Tuy nhiên, đến hạn thanh toán cho đến nay bà Nguyễn Thị Út N không thanh toán bất kỳ số tiền nào cho ông. Do vậy nguyên đơn khởi kiện ra Tòa yêu cầu bà Nguyễn Thị Út N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là 2.459.728.767 (Hai tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: số tiền gốc là: 2.085.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng; lãi chậm trả từ ngày 01/12/2022 đến 17/9/2024 là: 374.728.767 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Út N có đến tòa để nhận thông báo thụ lý vụ án, sau đó bị đơn bà Nguyễn Thị Út N vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Út N không đến, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án giải quyết không đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng trong suốt quá trình từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

3. *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải trả số tiền nợ gốc và lãi đã vay theo các Giấy biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022, thì đây là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Quận 7 số: 419/2024/PYCXM ngày 09/7/2024 thì “Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1979 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại căn hộ H Khu phố H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng nhà đã bán, thực tế không cư trú tại địa phương đi đâu không rõ địa chỉ”.

Căn cứ vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022 thì bị đơn bà Nguyễn Thị Út N xác nhận địa chỉ tại: căn hộ H Khu phố H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân Quận 7 là địa chỉ của bị đơn được ghi trong Giấy biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022 là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngày 10/10/2023 Tòa án nhân dân Quận 7 đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn bà Nguyễn Thị Út N.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết Số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: “*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi*

kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là có tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”,

Từ sự phân tích theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Út N đã đến Tòa án nhân dân Quận 7 để nhận thông báo về việc thụ lý vụ án, sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị Út N. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị Út N vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022, xác định nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út N đã vay và nhận số tiền 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng, trong đó gồm 1.900.000.000 (Một tỷ chín trăm triệu) đồng là số tiền ông Huỳnh Anh Đ đã chuyển khoản cho bị đơn theo Giấy Ủy nhiệm chi vào số tài khoản 27077998, người thụ hưởng là bà Nguyễn Thị Út N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần A với nội dung: “CHUYEN TIEN” vào ngày 20 tháng 9 năm 2022 và số tiền 185.000.000 đồng tiền mặt. Bị đơn cam kết sẽ trả toàn bộ số tiền 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng trong tháng 11 năm 2022, tuy nhiên từ khi đến hạn thanh toán cho đến nay bà Nguyễn Thị Út N vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán bất kỳ một khoản tiền nào cho nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ.

Từ sự phân tích có cơ sở để kết luận bị đơn bà Nguyễn Thị Út N còn nợ nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ số tiền gốc 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng theo Biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi:

[3.2.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/12/2022 đến ngày 17/9/2024 trên số nợ gốc tính theo mức lãi suất 10%/năm với số tiền là 374.728.767 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.

Cách tính lãi cho khoản vay như sau: Bà Nguyễn Thị Út N cam kết hoàn trả số tiền trong tháng 11/2022, tính lãi chậm trả từ ngày 01/12/2022 đến ngày 17/9/2024, số ngày tính lãi chậm trả là 656 ngày, tiền lãi là: 2.085.000.000 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 656 ngày = 374.728.767 đồng.

[3.2.2] Về thời gian tính lãi và mức lãi suất:

Theo khoản 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”; “2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”.*

Căn cứ Giấy biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022 nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận việc trả lãi đối với khoản vay 2.085.000.000 (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng. Ngày đến hạn trả nợ theo các bên thỏa thuận là trong tháng 11/2022. Tuy nhiên, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 14/11/2022 với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 17/9/2024 là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Út N đã đến Tòa đề nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, sau đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Nguyễn Thị Út N. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Út N không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn bà Nguyễn Thị Út N đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải thanh toán tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2024 là: 2.459.728.767 (Hai tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.085.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng; lãi chậm trả: 374.728.767 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn

bà Nguyễn Thị Út N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Đối với ý kiến của viện đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là căn cứ, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Về thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là do nguyên nhân khách quan bị đơn không hợp tác gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 178 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị Út N.

[2]. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Út N phải trả cho ông Huỳnh Anh Đ tổng cộng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là: 2.459.728.767 (Hai tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó: số tiền gốc là: 2.085.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm tám mươi lăm triệu) đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là: 374.728.767 (Ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng. Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Út N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 81.194.575 (Tám mươi một triệu một trăm chín mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng. Hoàn trả lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ là 38.720.000 (Ba mươi tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037258 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.[4]. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn ông Huỳnh Anh Đ và bị đơn bà Nguyễn Thị Út N được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

[5]. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS ND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Tk. Văn Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh